TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2026/QĐST-HNGĐ	Hưng Yên, ngày 24 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Căn cứ các điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 112/2026/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn".

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Chị: Trần Thị Huyền T, sinh năm 2006;

Nơi thường trú: thôn V, xã Â, tỉnh Hưng Yên;

Nơi ở hiện nay: thôn Đ, xã P, tỉnh Hưng Yên.

- Anh: Trương Văn L, sinh năm 2002.

Nơi thường trú: thôn V, xã X, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Cháu: Trương Ánh D, sinh ngày 10/6/2024.

Nơi thường trú: thôn V, xã X, tỉnh Hưng Yên.

* Những người đại diện theo pháp luật cho cháu D: Chị Trần Thị Huyền T và anh Trương Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Trần Thị Huyền T và anh Trương Văn L được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T và anh Trương Văn L đều nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Chị T và anh L xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Ánh D, sinh ngày 10/6/2024. Hiện nay cháu D đang ở cùng với anh L. Chị T và anh L thỏa thuận, anh L được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D đến tuổi thành niên. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L là 2.000.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên. Chị T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3 Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: Chị T và anh L tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0001001 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT, TTr và THA - TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng